

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kết quả đánh giá hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường
biển và hải đảo năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BTNMT ngày 29/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết bộ chỉ số và việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam tại Tờ trình số 89/TTr-STNMT ngày 12/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kết quả đánh giá hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (đính kèm Hồ sơ đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo năm 2023 trên địa bàn tỉnh).

Điều 2. Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Tài nguyên và Môi trường đăng tải công khai Kết quả đánh giá hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo năm 2023 trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; Trưởng Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Tam Kỳ, Núi Thành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

**BÁO CÁO DIỄN GIẢI CÁCH ĐÁNH GIÁ, TÍNH ĐIỂM
ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG, TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh/3/2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

**I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường
biển và hải đảo (6/8 điểm)**

**1. Tiêu chí 1.1. Công tác ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành
kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (3/5 điểm)**

a) Tiêu chí 1.1.1. Xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (1/1 điểm):

Việc xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo được lồng ghép trong Kế hoạch hành động về Quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 02/7/2020; Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 08/01/2024 về việc thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đồng thời, kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo trong năm 2023 đã được xây dựng lồng ghép trong chương trình công tác năm 2023 tại Quyết định số 55/QĐ-STNMT ngày 31/01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 89/QĐ-CVHHQNa ngày 17/02/2023 về kế hoạch hành động “Năm an toàn giao thông 2023” của Cảng vụ Hàng hải Quảng Nam (trong đó, công tác kiểm soát, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường tại khu vực cảng biển Quảng Nam là một trong những mục tiêu quan trọng).

b) Tiêu chí thành phần 1.1.2. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo theo kế hoạch, nhiệm vụ của năm (2/4 điểm): Kết quả thực hiện kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo được thể hiện tại Báo cáo số 664/BC-STNMT ngày 11/12/2023 về kết quả công tác năm 2023, chương trình công tác năm 2024 và số 47/BC-STNMT ngày 24/01/2024 về tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**2. Tiêu chí 1.2. Đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát
ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (3/3 điểm)**

Tiêu chí thành phần 1.2.1. Tổ chức đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (2 điểm) và tiêu chí thành phần 1.2.2. Giải pháp khắc phục tồn tại yếu kém (1 điểm):

Công tác đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo được thực hiện lồng ghép trong Báo cáo kiểm điểm công

tác chỉ đạo, điều hành năm 2023 và chương trình công tác năm 2024 tại Báo cáo số 607/BC-STNMT ngày 15/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong đó, đã nêu ra các hạn chế, nguyên nhân và đề ra giải pháp khắc phục thông qua việc xây dựng các nội dung nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian đến.

II. Rà soát, hệ thống hóa; theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (8/8 điểm)

1. Tiêu chí 2.1. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (2/2 điểm)

Được lồng ghép trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường theo Kế hoạch số 216/KH-STNMT ngày 03/02/2023. Kết quả rà soát được tổng hợp tại Báo cáo số 616/BC-STNMT ngày 20/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Tiêu chí 2.2. Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (3/3 điểm)

Theo Báo cáo số 616/BC-STNMT ngày 20/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường, sau khi rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật liên quan thì chưa phát hiện có văn bản trái pháp luật về thẩm quyền, nội dung.

3. Tiêu chí 2.3. Theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (3/3 điểm)

Công tác theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo đã được lồng ghép trong Kế hoạch triển khai công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 tại Kế hoạch số 215/KH-STNMT ngày 03/02/2023 và Báo cáo số 633/BC-STNMT ngày 27/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

III. Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo; tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (10/12 điểm)

1. Tiêu chí 3.1. Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo (6/8 điểm)

a) Tiêu chí thành phần 3.1.1. Xây dựng kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý (1/1 điểm):

Công tác điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, được thực hiện thông qua Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025; Kế hoạch số 1426/KH-STNMT ngày 16/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về triển khai nhiệm vụ truyền thông phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2023-2024.

b) Tiêu chí thành phần 3.1.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý (4/6 điểm) và tiêu chí thành phần 3.1.3. Báo cáo kết quả điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo (1/1 điểm):

Công tác điều tra, thống kê và phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 1426/KH-STNMT ngày 16/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức 02 khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ tuyên truyền viên nòng cốt cấp huyện, cấp xã về công tác phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn, xây dựng và cấp 188 Giấy chứng nhận cho các học viên hoàn thành khóa đào tạo; các Sở, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh cũng đã đồng loạt phát động và tổ chức triển khai nhiều hoạt động truyền thông, biện pháp giảm thiểu và giải pháp thay thế nhựa dùng một lần, túi nilon khó phân hủy tại cơ quan, đơn vị,... phấn đấu đến năm 2025, hoàn thành cơ bản việc triển khai phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn 18 huyện, thị xã, thành phố và 100% hộ dân, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được trang bị kiến thức về phân loại CTRSH tại nguồn.

2. Tiêu chí 3.2. Đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (4/4 điểm)

Gồm tiêu chí thành phần 3.2.1. Đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý (3/3 điểm) và tiêu chí thành phần 3.2.2. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (1/1 điểm):

Công tác đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo được thực hiện thông qua công tác quan trắc môi trường hằng năm của các cơ quan quản lý nhà nước ở tỉnh và địa phương. Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện Quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2023 theo Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2023. Ngoài ra, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Núi Thành đã xây dựng Kế hoạch số 04/KH-TNMT ngày 09/02/2023 về lấy mẫu phân tích phục vụ báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023; BQL Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm tổ chức quan trắc môi trường nước biển tại vùng biển Cù Lao Chàm. Trên cơ sở kết quả quan trắc đã đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (Báo cáo số 459/BC-UBND ngày 05/12/2003 của UBND huyện Núi Thành).

IV. Định kỳ quan trắc và đánh giá hiện trạng chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo (8,5/12 điểm)

1. Tiêu chí 4.1. Xây dựng chương trình định kỳ quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo (1/1 điểm)

Chương trình quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo được Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo Chương trình Quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 và được điều chỉnh tại Quyết định số 1958/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 để phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Đồng thời thực hiện chương trình quan trắc năm 2023 theo Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh. Việc quan trắc nước biển cũng được các địa phương quan tâm; trong đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Núi Thành xây dựng chương trình quan trắc trầm tích, chất lượng nước và thực hiện lấy mẫu phân tích phục vụ báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại Kế hoạch số 04/KH-TNMT ngày 09/02/2023.

2. Tiêu chí 4.2. Tổ chức định kỳ quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo (2/2 điểm)

Căn cứ Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2023, đối với nước biển ven bờ được quan trắc với tần suất 4 lần/năm tại 6 vị trí bãi tắm ven bờ thuộc các huyện, thị xã, thành phố ven biển gồm: bãi tắm xã Điện Dương - Điện Bàn (BĐB), bãi tắm phường Cửa Đại - Hội An (BHA), bãi tắm xã Duy Hải - Duy Xuyên (BDX), bãi tắm xã Bình Nam - Thăng Bình (BTB), bãi tắm xã Tam Thanh - Tam Kỳ (BTK) và bãi tắm biển Rạng - Núi Thành (BNT). Ngoài ra, hằng tháng BQL Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm tiến hành quan trắc chất lượng môi trường nước biển tại vùng biển Cù Lao Chàm; huyện Núi Thành tiến hành quan trắc tại 02 điểm thuộc vùng biển xã Tam Tiến và vùng biển xã Tam Hải với tần suất 02 lần/năm.

3. Tiêu chí 4.3. Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo (1/1 điểm)

Theo Báo cáo Kết quả quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2023 đối với chất lượng nước tại 06 vị trí bãi biển của các địa phương ven biển, kết quả cho thấy nước biển khu vực bãi tắm nhìn chung đạt chất lượng, hầu hết các thông số môi trường đạt theo quy định của QCVN 10-MT:2015/BTNMT. Riêng đối với thông số Fe tại 04 vị trí lấy mẫu (BĐB, BDX, BTB2 và BTK) vượt mức giới hạn Quy chuẩn cho phép từ 1,1 - 4,4 lần. Hàm lượng Fe tăng vào thời điểm mùa mưa do điều kiện biển động dòng chảy đường bờ, ảnh hưởng nước mưa làm cuốn trôi nhiều chất phèn (chứa Fe) từ các dải cát vùng ven đở ra biển.

Đối với kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước biển tại vùng biển Cù Lao Chàm và huyện Núi Thành cho thấy các thông số đều nằm ở mức an toàn theo QCVN 10-MT:2015/BTNMT. Riêng đợt quan trắc tháng 11 tại vùng biển xã Tam Hải (huyện Núi Thành) xuất hiện ô nhiễm nhẹ thông số kim loại Fe (vượt 1,17 lần) và Coliform (vượt 2,4 lần), nguyên nhân có thể do mưa lớn cuốn trôi phèn sắt và các chất ô nhiễm ven bờ ảnh hưởng đến chất lượng nước biển (Báo cáo số 173/BC-KBTB ngày 20/11/2023 của BQL Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm; số 459/BC-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Núi Thành).

4. Tiêu chí 4.4. Tổ chức định kỳ quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo (0/2 điểm)

Theo Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2023, môi trường trầm tích được quan trắc tần suất 1 lần/năm vào định kỳ tháng 11. Vị trí thu mẫu tại 6 điểm trên các hệ thống hạ lưu sông Thu Bồn (TTB), sông Vĩnh Điện (TVĐ), sông Vu Gia (TVG), hạ lưu sông Trà (TTR), khu vực cảng Kỳ Hà (TKH) và sông Bông Miêu (đoạn cách nhà máy chế biến vàng Bông Miêu khoảng 5km về phía hạ lưu - TBM). Ngoài ra, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Núi Thành tổ chức quan trắc trầm tích tại sông Trường Giang và vũng An Hòa tại cảng Tam Giang (03 đợt/năm). Đối với chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo hiện chưa tổ chức quan trắc.

5. Tiêu chí 4.5. Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo (0/1 điểm)

Theo kết quả quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2023 cho thấy kết quả quan trắc trầm tích tại các vị trí có các thông số kim loại nặng (As, Cd, Pb, Zn, Hg, Cr tổng và Cu) trong trầm tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 43:2012/BTNMT. Riêng tại vị trí sông Bông Miêu có hàm lượng As (vượt 15,3 lần) và Pb (vượt 4,8 lần). Đây là lưu vực sông thường xuyên chịu tác động bởi các thông số kim loại nặng trong nhiều đợt quan trắc, cần lưu ý theo dõi nguồn nước để thường xuyên đánh giá mức độ ô nhiễm các thông số liên quan.

Đối với trầm tích tại các vị trí quan trắc trên địa bàn huyện Núi Thành đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng trầm tích.

6. Tiêu chí 4.6. Tổ chức định kỳ quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo (1,5/2 điểm)

Trong năm 2023, BQL Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm tổ chức quan trắc, giám sát rạn san hô và thảm cỏ biển trong vùng biển Cù Lao Chàm. Việc quan trắc rạn san hô và thảm cỏ biển được BQL Khu bảo tồn biển thực hiện hằng năm (Báo cáo số 173/BC-KBTB ngày 20/11/2023 về tổng kết hoạt động của BQL Khu bảo tồn biển và Báo cáo kết quả giám sát hệ sinh thái rạn san hô tại khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm năm 2023 của BQL Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm).

7. Tiêu chí 4.7. Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo (1/1 điểm)

Trên cơ sở quan trắc rạn san hô và thảm cỏ biển tại khu vực biển Cù Lao Chàm, BQL Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm tổ chức đánh giá để so sánh biến động qua các năm. Hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ đang triển khai thực hiện đề tài “*Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất thiết lập Khu bảo tồn biển khu vực xã Tam Hải, huyện Núi Thành*” (thực hiện từ năm 2021-2024) theo Quyết định số 2161/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh.

8. Tiêu chí 4.8. Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của các đối tượng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật (2/2 điểm)

Tiếp tục theo dõi, tổ chức kiểm tra giám sát các trạm quan trắc tự động, liên tục về nước thải, khí thải tại các cơ sở đã được lắp đặt. Hằng năm, tổ chức rà soát, thống kê các đối tượng thực hiện quan trắc tự động, liên tục về khí thải, nước thải trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2023, đã bổ sung 02 cơ sở hoàn thành việc lắp đặt và kết nối dữ liệu quan trắc tự động về Sở để theo dõi, giám sát (Nhà máy sản xuất vải dụng Wendler Interlining tại KCN Tam Thăng, CCN Hà Lam – Chợ Được).

V. Phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo; cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái (30/30 điểm)

1. Tiêu chí 5.1. Kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (3/3 điểm)

Kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo được lồng ghép trong Kế hoạch hành động của tỉnh Quảng Nam về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 và Kế hoạch Phòng ngừa, ứng phó sự cố, thảm họa môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 3774/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND tỉnh. Đồng thời, để đảm bảo phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường và các hệ sinh thái ven biển, UBND tỉnh đã xác định chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển và thực hiện cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh tại Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 04/02/2023 và số 988/QĐ-UBND ngày 18/5/2023.

2. Tiêu chí 5.2. Phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (19/19 điểm)

Gồm tiêu chí thành phần 5.2.1. Phát hiện tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (8 điểm); tiêu chí thành phần 5.2.2. Xây dựng kế hoạch xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (1 điểm) và tiêu chí thành phần 5.2.3. Xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (10 điểm):

Trên cơ sở kết quả chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2023 và của địa phương, đơn vị liên quan thì hầu hết các giá trị thông số đều ổn định và dao động trong mức cho phép; chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh cơ bản đều nằm trong giới hạn cho phép, một vài thông số vượt quá giới hạn (Fe, Coliform) theo từng thời điểm và do ảnh hưởng của thời tiết, địa hình, địa chất của khu vực. Do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường không xây dựng kế hoạch xử lý, khắc phục riêng mà lồng ghép trong công tác chỉ đạo, điều hành chung trên địa bàn tỉnh hằng năm.

3. Tiêu chí 5.3. Cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái (8/8 điểm)

Gồm tiêu chí thành phần 5.3.1. Xây dựng kế hoạch cải thiện, phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái (1 điểm); tiêu chí

thành phần 5.3.2. Thực hiện kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái (7 điểm):

Thông qua việc quan trắc định kỳ môi trường hằng năm của tỉnh và kết quả quan trắc của các địa phương cho thấy chất lượng môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Nam cơ bản còn khá tốt. Để tiếp tục duy trì và thực hiện tốt như hiện nay, cần thực hiện tốt hơn nữa việc phân loại CTRSH tại nguồn theo Kế hoạch của UBND được phê duyệt tại Quyết số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 về Kế hoạch thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” nhằm nâng cao hiệu quả công tác phân loại, tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, hạn chế việc xả thải rác thải nhựa ra môi trường. Trong năm 2023, không phát sinh cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng nào.

VI. Ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển (11/12 điểm)

1. Tiêu chí 6.1. Chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường biển (3/3 điểm)

a) Tiêu chí thành phần 6.1.1 Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển (1 điểm):

Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã được phê duyệt tại Quyết định số 4461/QĐ-UBND ngày 25/12/2017; thành lập Ban Chỉ đạo phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 và điều chỉnh thành viên Ban chỉ đạo tại Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh. Bên cạnh đó, công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố, thảm họa môi trường trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3774/QĐ-UBND ngày 09/7/2020.

Đối với việc kiểm soát ứng phó tai nạn trong vùng nước cảng biển và trên vùng biển tỉnh Quảng Nam: Cảng vụ Hàng hải đã ban hành Quyết định số 48/QĐ-CVHHQNa ngày 02/4/2021 về ứng phó tai nạn tàu thuyền trong vùng nước cảng biển Quảng Nam và vùng biển Quảng Nam; Công văn số 229/CVHHQNa-PCTT-ATANHH ngày 05/5/2023 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030.

Việc xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố, đối với các hoạt động liên quan đến tràn dầu đã được UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, Ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Trong năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Quảng Nam (Kế hoạch số 3704/KH-UBND ngày 09/6/2022) và được Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phê duyệt tại Quyết định số 305/QĐ-UB ngày 21/6/2022.

b) Tiêu chí thành phần 6.1.2. Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển của cơ sở, tổ chức, cá nhân (2 điểm):

Tính đến thời điểm 31/12/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và tham mưu UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt 120/136 Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các đơn vị có hoạt động doanh xăng dầu tại các địa phương ven biển.

2. Tiêu chí 6.2. Phát hiện, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển (7/7 điểm)

Do điều kiện thời tiết phức tạp, cuối năm 2023, trên khu vực biển của tỉnh đã xảy ra 03 sự cố: tàu New Energy bị mắc cạn tại xã Tam Nghĩa (huyện Núi Thành); tàu Nam Phát 01 bị chìm tại xã Bình Nam (huyện Thăng Bình) và tàu King Rich bị mắc cạn tại xã Tân Hiệp (thành phố Hội An). Đến nay, tàu New Energy đã được lai dắt khỏi khu vực mắc cạn; tàu King Rich đã hoàn hành việc xử lý dầu và nước nhiễm dầu; tàu Nam Phát 01 đã trục vớt hàng và xác tàu (Báo cáo số 47/BC-STNMT ngày 24/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

3. Tiêu chí 6.3. Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển (1/2 điểm)

Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được thực hiện lồng ghép trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ hằng năm của Sở, Ban, ngành và địa phương (Quyết định số 1042/QĐ-STNMT ngày 27/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Công văn số 69/CVHHQNa-PCTT-ATANHH ngày 01/02/2024 của Cảng vụ Hàng hải Quảng Nam; Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 02/02/2024 của UBND huyện Núi Thành,...).

VII. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo (8/8 điểm)

1. Tiêu chí 7.1. Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo (1/1 điểm)

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 390/KH-UBND ngày 18/01/2023 về triển khai Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Kế hoạch số 3189/KH-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 1212/KH-STNMT ngày 26/5/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới (05/6), Ngày Đại dương thế giới (08/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01-08/6) và Tháng hành động vì môi trường năm 2023; Kế hoạch số 550/KH-STNMT ngày 15/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Nước thế giới (22/3), Ngày khí tượng thế giới (23/3) năm 2023.

Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023 theo Kế hoạch số 294/KH-STNMT ngày 15/02/2023; Cảng vụ Hàng hải Quảng Nam ban hành Quyết định số 12/QĐ-CVHHQNa ngày 31/01/2023 nhằm tuyên truyền an ninh môi trường phục vụ phát triển bền vững đất nước ngành giao thông vận tải. Qua đó, tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức trên nhiều lĩnh vực như đất đai, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên biển và hải đảo...

2. Tiêu chí 7.2. Kết quả thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo (5/5 điểm)

Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo được triển khai phù hợp với đặc thù của từng cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, tạo sự đồng thuận và tham gia của cả cộng đồng (thể hiện tại các báo cáo số: 213/BC-STNMT ngày 28/4/2023; số 168/BC-STNMT ngày 04/4/2023; số 455/BC-STNMT ngày 14/8/2023; số 605/BC-STNMT ngày 15/11/2023; số 37/BC-STNMT ngày 10/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

3. Tiêu chí 7.3. Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường biển và hải đảo (2/2 điểm)

Các đơn vị, địa phương tổ chức nhiều hoạt động hưởng ứng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú như treo băng rôn tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức, ra quân dọn vệ sinh tại các bãi biển, tổ chức sự kiện “Đạp xe vì môi trường” và Ngày hội tình nguyện “*Vì môi trường biển đảo không rác thải năm 2023*” nhằm truyền tải ý nghĩa thông điệp cùng nhau xây dựng lối sống bền vững, hài hòa với thiên nhiên, bảo vệ môi trường, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật tại trang Website của các cơ quan đơn vị.

VIII. Tranh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, giải quyết khiếu nại tố cáo (10/10 điểm)

1. Tiêu chí 8.1. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (7/7 điểm)

a) Tiêu chí thành phần 8.1.1. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (1 điểm):

Trên cơ sở định hướng của Thanh tra Chính phủ, hướng dẫn của Thanh tra tỉnh, định hướng kế hoạch thanh tra hàng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng, ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm theo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại các địa phương (kế hoạch năm 2023: được phê duyệt tại Quyết định số 1042/QĐ-STNMT ngày 27/12/2022 và được điều chỉnh tại Quyết định số 674/QĐ-STNMT ngày 13/11/2023).

b) Tiêu chí thành phần 8.1.2. Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (2 điểm):

Trong năm 2023, Sở đã triển khai 18 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 29 đơn vị, trong đó: kỳ trước chuyển sang 02 cuộc, 02 đơn vị và triển khai trong kỳ 16 cuộc, 27 đơn vị (theo kế hoạch 14 cuộc, 24 đơn vị; đột xuất 04 cuộc, 05 đơn vị). Tất cả các cuộc thanh tra, kiểm tra đều được thực hiện đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thời hạn tiến hành cuộc thanh tra và báo cáo cụ thể về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 tại Báo cáo số 633/BC-STNMT ngày 27/11/2023.

c) Tiêu chí thành phần 8.1.3. Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo qua thanh tra, kiểm tra (3 điểm) và Tiêu chí thành phần 8.1.4. Kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra (1 điểm)

Đối với đơn vị được thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thì cơ bản chấp hành đúng quy định pháp luật về tài nguyên môi trường biển và hải đảo nên không tiến hành xử lý vi phạm hành chính (theo Báo cáo số 686/BC-STNMT ngày 15/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

2. Tiêu chí 8.2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (3/3 điểm)

Trong năm 2023, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tốt công tác quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; thời gian qua không tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo (Báo cáo số 686/BC-STNMT ngày 15/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

Phụ lục I
BỘ CHỈ SỐ, NỘI DUNG, TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

(Kèm theo Quyết định số: #sovb /QĐ-UBND ngày #nbh /3/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Nội dung (ND)/ Tiêu chí (TC)/ Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
ND 1	CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	8	6	75%	Khá
TC 1.1	Công tác ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	5	3		
TCTP 1.1.1	Xây dựng, kế hoạch, nhiệm vụ chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Có kế hoạch, nhiệm vụ chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo hoặc có chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo được lồng ghép trong kế hoạch, nhiệm vụ của năm	1	1		
-	Không có Kế hoạch, nhiệm vụ chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo hoặc có chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo được lồng ghép trong kế hoạch, nhiệm vụ của năm	0			
TCTP 1.1.2	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo theo kế hoạch, nhiệm vụ của năm	4	2		
-	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt từ 80% đến 100% nhiệm vụ trong kế hoạch nhiệm vụ của năm	4			
-	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% nhiệm vụ trong kế hoạch nhiệm vụ của năm	2	2		
-	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% nhiệm vụ trong kế hoạch nhiệm vụ của năm	1			
-	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt từ dưới 30% nhiệm vụ trong kế hoạch nhiệm vụ của năm	0			

TC 1.2	Đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	3	3		
TCTP 1.2.1	Tổ chức đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Có thực hiện đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Không thực hiện đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	0			
TCTP 1.2.2	Giải pháp khắc phục tồn tại yếu kém	1	1		
-	Có giải pháp khắc phục tồn tại yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Không có giải pháp khắc phục tồn tại yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	0			
ND 2	RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA, THEO DÕI, KIỂM TRA TÌNH HÌNH THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	8	8	100%	Tốt
TC 2.1	Rà soát, hệ thống văn hóa; theo dõi kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Có rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	2	2		
-	Không thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	0			
TC 2.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	3	3		
-	Không xử lý do không phát hiện bất cập, chồng chéo qua rà soát, hệ thống hóa và không có kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	3	3		
-	Đã xử lý đạt từ 80 % đến 100% các phát hiện chồng chéo, bất cập qua rà soát, hệ thống hóa hoặc theo kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	3			
-	Đã xử lý đạt từ 50 % đến dưới 80% các phát hiện chồng chéo, bất cập qua rà soát, hệ thống hóa hoặc theo kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	2			
-	Đã xử lý đạt dưới 50 % các phát hiện chồng chéo, bất cập qua rà soát, hệ thống hóa hoặc theo kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	0			

TC 2.3	Theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	3	3		
-	Đã thực hiện theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo và đã xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý khi chưa phát hiện các trường hợp vi phạm	3	3		
-	Không thực hiện theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	0			
ND 3	ĐIỀU TRA, THỐNG KÊ, PHÂN LOẠI, ĐÁNH GIÁ CÁC NGUỒN THẢI TỪ ĐẤT LIỀN, TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO; TÌNH TRẠNG Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	12	10	83,33%	Khá
TC 3.1	Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo; tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	8	6		
TCTP 3.1.1	Xây dựng kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý.	1	1		
-	Có xây dựng kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý.	1	1		
-	Không có xây dựng kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý.	0			
TCTP 3.1.2	Tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	6	4		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80 đến 100% kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	6			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	4	4		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30 % đến dưới 50% kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	2			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	0			
TCTP 3.1.3	Báo cáo kết quả điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo	1	1		

-	Có báo cáo kết quả điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo	1	1		
-	Không có báo cáo kết quả điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo	0			
TC 3.2	Đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	4	4		
TCTP 3.2.1	Đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý	3	3		
-	Đã đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý	3			
-	Chưa đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý	0			
TCTP 3.2.2	Đề xuất, kiến nghị các giải pháp làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Có đề xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý gây ra	1	1		
-	Chưa có xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý gây ra	0			
ND 4	ĐÌNH KÝ, QUAN TRẮC VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CHẤT LƯỢNG NƯỚC, TRẦM TÍCH VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC CỦA CÁC KHU VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	12	8,5	70,83%	Khá
TC 4.1	Xây dựng chương trình định kỳ quan trắc và đánh giá hiện trạng chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Xây dựng chương trình định kỳ quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Không có chương trình định kỳ quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.2	Tổ chức định kỳ quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện từ 80% đến 100% chương trình quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện từ 50% đến dưới 80% chương trình quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	1,5			

-	Tổ chức thực hiện từ 30% đến dưới 50% chương trình quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	1			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% chương trình quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.3	Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Có tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Không tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.4	Tổ chức định kỳ quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	2	0		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% chương trình quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	2	0		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% chương trình quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	1,5			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% chương trình quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	1			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% chương trình quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	0	0		
TC 4.5	Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	1	0		
-	Có tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	1			
-	Không tổ chức đánh giá hiện trạng chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	0	0		
TC 4.6	Tổ chức định kỳ quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	2	1,5		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% chương trình quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	2			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% chương trình quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1,5	1,5		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% chương trình quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% chương trình quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	0			

TC 4.7	Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Có tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Không tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	0	0		
TC 4.8	Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của các đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật	2	2		
-	Kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo từ 80% đến 100% các đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật	2	2		
-	Kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo từ 50% đến dưới 80% các đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật	1,5			
-	Kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo từ 30% đến dưới 50% các đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật	1			
-	Kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo đến dưới 30% các đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật	0			
ND 5	PHÒNG NGỪA, PHÁT HIỆN, XỬ LÝ, KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG Ô NHIỄM VÀ SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG, CÁC HỆ SINH THÁI BIỂN, HẢI ĐẢO; CẢI THIỆN VÀ PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, CÁC HỆ SINH THÁI BIỂN VÀ HẢI ĐẢO BỊ Ô NHIỄM VÀ SUY THOÁI	30	30	100%	Tốt
TC 5.1	Kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	3	3		
-	Có kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	3	3		
-	Không có kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các HST biển và hải đảo	0			
TC 5.2	Phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	19	19		

TCTP 5.2.1	Phát hiện tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	8	8		
-	Hàng năm đã rà soát, xác định tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái từ 80% đến 100% các khu vực biển và hải đảo thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý	8	8		
-	Hàng năm đã rà soát, xác định tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái từ 50% đến dưới 80% các khu vực biển và hải đảo thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý	6			
-	Hàng năm đã rà soát, xác định tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái từ 30% đến dưới 50% các khu vực biển và hải đảo thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý	4			
-	Hàng năm đã rà soát, xác định tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái từ dưới 30% các khu vực biển và hải đảo thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý	0			
TCTP 5.2.2	Xây dựng kế hoạch xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	1	1		
-	Có kế hoạch xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo đã được phát hiện	1	1		
-	Không có kế hoạch xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo đã được phát hiện	0			
TCTP 5.2.3	Xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	10	10		
-	Đã xử lý, khắc phục từ 80% đến 100% tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo theo kế hoạch	10	10		
-	Đã xử lý, khắc phục đạt từ 50% đến dưới 80% tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo theo kế hoạch	5			
-	Đã xử lý, khắc phục đạt dưới 50% tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo theo kế hoạch	0			
TC 5.3	Cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	8	8		
TCTP 5.3.1	Xây dựng kế hoạch cải thiện, phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	1	1		
-	Có kế hoạch xây dựng kế hoạch cải thiện, phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	1	1		

-	Không có kế hoạch cải thiện, phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	0			
TCTP 5.3.2	Thực hiện kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	7	7		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	7	7		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	4			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 50% kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	0			
ND 6	ỨNG PHÓ, KHẮC PHỤC SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG BIỂN	12	11	91,67%	Tốt
TC 6.1	Chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường biển	3	3		
TCTP 6.1.1	Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường	1	1		
-	Đã có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển theo quy định của pháp luật	1	1		
-	Không có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển theo quy định của pháp luật	0			
TCTP 6.1.2	Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển của cơ sở, tổ chức, cá nhân	2	2		
-	Từ 80% đến 100% cơ sở có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được phê duyệt theo thẩm quyền	2	2		
-	Từ 50% đến dưới 80% cơ sở có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được phê duyệt theo thẩm quyền	1			
-	Dưới 50% cơ sở có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được phê duyệt theo thẩm quyền	0			
TC 6.2	Phát hiện, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển	7	7		
TCTP 6.2.1	Phát hiện sự cố môi trường biển	1	1		
-	Đã phát hiện kịp thời sự cố môi trường biển	1	1		
-	Không phát hiện kịp thời sự cố môi trường biển	0			

TCTP 6.2.2	Ứng phó sự cố môi trường biển	3	3		
-	Đã kịp thời thực hiện ứng phó các sự cố xảy ra thuộc phạm vi quản lý hoặc tham gia ứng phó các sự cố môi trường biển theo sự huy động của cơ quan có thẩm quyền	3	3		
-	Không kịp thời thực hiện ứng phó các sự cố xảy ra thuộc phạm vi quản lý hoặc tham gia ứng phó các sự cố môi trường biển theo sự huy động của cơ quan có thẩm quyền	0			
TCTP 6.2.3	Khắc phục khi xảy ra sự cố môi trường biển	3	3		
-	Đã kịp thời tổ chức thực hiện hoặc tham gia khắc phục sự cố môi trường biển theo quy định của pháp luật	3	3		
-	Không kịp thời tổ chức thực hiện hoặc tham gia khắc phục sự cố môi trường biển theo quy định của pháp luật	0			
TC 6.3	Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển	2	1		
-	Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển từ 80% đến 100% các đối tượng phải lập kế hoạch	2			
-	Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển từ 50% đến dưới 80% các đối tượng phải lập kế hoạch	1	1		
-	Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được dưới 50% các đối tượng phải lập kế hoạch	0			
ND 7	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC NÂNG CAO NHẬN THỨC PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	8	8	100%	Tốt
TC 7.1	Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Có kế hoạch hoặc nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo lồng ghép trong kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục thuộc lĩnh vực, chuyên ngành của cơ quan	1	1		
-	Không có kế hoạch hoặc nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo lồng ghép trong kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục thuộc lĩnh vực, chuyên ngành của cơ quan	0			

TC 7.2	Kết quả thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	5	5		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	5	5		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	4			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	2			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	0			
TC 7.3	Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đa dạng phong phú	2	2		
-	Không có nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đa dạng, phong phú	0			
ND 8	THANH TRA, KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỔ CÁO	10	10	100%	Tốt
TC 8.1	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	7	7		
TCTP 8.1.1	Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Có kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Không có kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	0			
TCTP 8.1.2	Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80 % đến 100% kế hoạch	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50 % đến dưới 80% kế hoạch	1			

-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 50% kế hoạch	0			
TCTP 8.1.3	Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo qua thanh tra, kiểm tra	3	3		
-	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt 100% các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	3	3		
-	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt từ 80% đến dưới 100% các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	2			
-	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt từ 50% đến dưới 80% các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1			
-	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt từ dưới 50% các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	0			
TCTP 8.1.4	Kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra	1	1		
-	Đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra đối với các đối tượng vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Không tổ chức kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra đối với các đối tượng vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	0			
TC 8.2	Giải quyết khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	3	3		
-	Đã giải quyết được 100% số vụ việc khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật	3	3		
-	Đã giải quyết được từ 80% đến dưới 100% số vụ việc khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật	2			
-	Đã giải quyết được từ 50% đến dưới 80% số vụ việc khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật	1			
-	Đã giải quyết được dưới 50% số vụ việc khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật	0			
Tổng		100	91,5	91,5%	Tốt

Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT
Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh /3/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Nội dung	Tổng điểm tối đa	Tổng điểm tự đánh giá	Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	Xếp loại kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo
1	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	8	6	75%	Khá
2	Rà soát, hệ thống hóa; theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	8	8	100%	Tốt
3	Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo	12	10	83,33%	Khá
4	Định kỳ quan trắc và đánh giá hiện trạng chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	12	8,5	70,83%	Khá
5	Phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo; cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	30	30	100%	Tốt

TT	Nội dung	Tổng điểm tối đa	Tổng điểm tự đánh giá	Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	Xếp loại kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo
6	Ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển	12	11	91,67%	Tốt
7	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	8	8	100%	Tốt
8	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, giải quyết khiếu nại tố cáo	10	10	100%	Tốt
Chỉ số đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo		100	91,5	91,5%	Tốt